

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 11 tháng 3 năm 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Ngọc Yến Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Thanh Tùng

Ông Đặng Trần Khoa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thiệt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 379/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thời gian xét xử vụ án hình sự đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu H**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 15/10/1957, tại tỉnh Quảng Ngãi; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Số D đường P, phường A, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Nội trợ; Họ tên cha: Nguyễn T (Đã chết); Họ tên mẹ: Hồ Thị H1 (Đã chết); Họ tên chồng: Nguyễn Ngọc T1 (Đã chết); Có 02 con (Con lớn sinh năm: 1983, con nhỏ sinh năm: 1991); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà **Trương Thị N**, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Số C đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà **Đặng Thị T2**, sinh năm: 1949 (Đã chết năm 2021); Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Chồng: Hoàng Văn T3, sinh năm: 1940 (Đã chết năm 2006);

- Các con: Hoàng Thị H2, sinh năm: 1969, địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Hoàng Hoài N1, sinh năm: 1971, địa chỉ: Số B Chung cư L,

phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Hoàng Hoài H3, sinh năm: 1987, địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số D N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà **Trần Thị H4**, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà **Lương Thị Bích N2**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số G Q, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

6. Ông **Ngô Văn T4**, sinh năm: 1931 (Đã chết năm 2013); Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm: 1944;

- Các con: Ngô Khánh V, sinh năm: 1974; Ngô Khánh T5, sinh năm: 1978; Cùng trú tại: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà **Huỳnh Thị Minh T6**, sinh năm: 1948; Địa chỉ: Số G H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà **Tổng Thị H5**, sinh năm: 1949; Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

(Các bị hại và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị hại đều vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà **Phan Thị P**, sinh năm: 1952; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà **Cao Thị Y**, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà **Lê Thị H6**, sinh năm: 1945; Địa chỉ: Tổ A N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà **Nguyễn Thị Trúc K**, sinh năm: 1953; Địa chỉ: Số B H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà **Trần Thị L1**; Địa chỉ: Số C T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

6. Bà **Bùi Tuyết A**; Địa chỉ: Số C T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà **Nguyễn Thị M1**; Địa chỉ: Số G P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 1997, vợ chồng Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Ngọc T1, cùng trú tại số B đường H, phường L, thành phố N, đã nhiều lần vay mượn tiền, vàng của nhiều người, hốt nhiều dây huê nhưng H không trả mà bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

- Vào ngày 08/02/1997, T1 vay của bà Trương Thị N 80 chỉ vàng 96% và 12.500.000 đồng.

- Trong năm 1996, H vay của bà Nguyễn Thị L 04 lần với tổng số tiền 24.000.000 đồng.

- H vay của bà Huỳnh Thị Minh T6 24.000.000 đồng (không rõ ngày tháng năm vay mượn).

- Vào các ngày 18/3/1997, 04/6/1997, H vay của bà Lương Thị Bích N2 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

- Vào các ngày 28/11/1992, 10/12/1994, 21/11/1995, 18/6/1996, 06/7/1993, H và T1 vay của bà Tống Thị H5 với tổng số 47 chỉ vàng 96% và 14.000.000 đồng.

- Vào các ngày 15/9/1996, 22/6/1997, H vay của bà Trần Thị H4 với tổng số 50 chỉ vàng 96% và 1.9600.000 đồng tiền huê.

- Vào khoảng cuối tháng 8/1997, H vay của bà Đặng Thị T2 20 chỉ vàng 96% và 62.500.000 đồng.

- Vào ngày 10/8/1997, H vay của ông Ngô Văn T4 20 chỉ vàng 96% và 5.000.000 đồng.

- Vào năm 1996, H vay của bà Lê Thị H6 80 chỉ vàng 96%.

- Vào các ngày 20/11/1995, 12/3/1997, 24/7/1997, H vay của bà Nguyễn Thị M1 48 chỉ vàng 96%.

Sau khi mượn được tiền, vàng và tiền hốt huê, H và T1 không trả nợ, dùng tiền tiêu xài cá nhân hết, khi mất khả năng trả nợ, tháng 9 năm 1997, H và T1 đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 20 tháng 09 năm 1997, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị Thu H.

Ngày 14 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Thị Thu H bị bắt theo quyết định truy nã.

Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền và vàng mà Nguyễn Thị Thu H thừa nhận vay và chiếm đoạt là 163.960.000 đồng và 345 chỉ vàng 96%.

Ngoài ra còn nhiều người tố cáo H vay mượn tiền, vàng và nợ tiền chơi huê nhưng không trả mà bỏ trốn, cụ thể:

- Vào ngày 15/12/1996, bà Nguyễn Thị Trúc K cho H vay 32 chỉ vàng 96%, 8.500.000 đồng và nợ tiền chơi huê là 12 chỉ vàng.

- Bà Phan Thị P đã cho H vay 25 chỉ vàng 96% và 4.000.000 đồng; nợ tiền chơi huê 105 chỉ vàng và 5.400.000 đồng (không rõ ngày tháng năm vay mượn).

- Bà Bùi Tuyết A cho H vay 40.000.000 đồng (không rõ ngày tháng năm vay mượn).

- Bà Trần Thị L1 cho H vay 23 chỉ vàng và 8.500.000 đồng (không rõ ngày tháng năm vay mượn).

- Vào ngày 27/8/1997, bà Cao Thị Y cho H vay 8.500.000 đồng và đã trả 3.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 5187/KL-HĐDGTS ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận: “Theo lời khai và đơn khiếu nại của một số người cho vay mượn tài sản không thể hiện thời điểm vay mượn tài sản, nên Hội đồng định giá tài sản không có cơ sở xác định thời gian cho vay mượn vàng đối với 362 chỉ vàng 96%, vì vậy không đủ điều kiện cần thiết để xác định giá trị đối với 562 chỉ vàng 96% từ năm 1995 đến năm 1997”.

Tại Công văn số 5531 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh K phản hồi công văn số 27 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, với nội dung trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K có thu thập thêm 03 giấy vay mượn vàng của bà Tống Thị H5 thể hiện ngày 28/11/1992 và ngày 10/12/1994, với tổng là 47 chỉ vàng 96%. Từ đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đề nghị hướng xử lý đối với tổng cộng 217 chỉ vàng 96% được liệt kê trong các giấy vay mượn vàng có ghi thời điểm cho vay mượn vàng... Sở Tài chính nhận thấy giá vàng trên thị trường biến động theo từng thời điểm và giá trị thay đổi theo từng ngày, tháng, năm. Do đó, nếu cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh trưng cầu định giá vàng theo thời điểm ngày, tháng, năm thì Sở T7 không có cơ sở để thực hiện định giá vàng 96% trong giai đoạn từ năm 1992 đến năm 1997 (do không có số liệu giá vàng tại thời điểm từng ngày cụ thể trong giai đoạn này).

Tại công văn số 412 ngày 21/5/2022 của Ngân hàng N3 – Chi nhánh tỉnh K trả lời vào thời điểm năm 1995 đến 1997, Ngân hàng N3 không có chức năng công bố giá vàng nên không có cơ sở để cung cấp giá vàng.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSNT ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tại phiên tòa:

1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2. Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên, theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, Kiểm sát viên*: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] *Về hành vi phạm tội của bị cáo theo Cáo trạng truy tố*:

[3.1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 1997, lợi dụng sự tín nhiệm của người khác, bị cáo đã nhiều lần vay mượn tiền, vàng của nhiều người, sau đó khi không có khả năng trả lại thì bị cáo đã bỏ trốn, cụ thể: Trong năm 1996, H vay tiền của bà Nguyễn Thị L 04 lần với tổng số tiền 24.000.000 đồng; Vay tiền của bà Huỳnh Thị Minh T6 số tiền 24.000.000 đồng; Năm 1996 và 1997, vay tiền của bà Lương Thị Bích N2 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng; Năm 1996, vay tiền của bà Tống Thị H5 14.000.000 đồng và 47 chỉ vàng 96%; Năm 1996, vay tiền huê của bà Trần Thị H4 1.960.000 đồng và 50 chỉ vàng 96%; Ngày 08/02/1997, H vay của bà Trương Thị N số tiền 12.500.000 đồng và 80 chỉ vàng 96%; Cuối tháng 8/1997, vay tiền của bà Đặng Thị T2 62.500.000 đồng và 20 chỉ vàng 96%; Ngày 10/8/1997, vay tiền của ông Ngô Văn T4 5.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 96%.

[3.2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Phù hợp với lời khai của các bị hại, của người liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Thu H xảy ra vào những năm 1992 đến 1997 và tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 163.960.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tuy nhiên, căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khoản 2 Điều 158 Bộ luật Hình sự năm 1985 là điều luật có khung hình phạt nặng hơn khoản 2 Điều 175

Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 18/CT-VKSNT ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đã truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.3] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương; Và thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy nên cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.4] Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã cùng gia đình khắc phục hậu quả cho một số bị hại. Hơn nữa, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, giảm một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[4] Đối với 118 chỉ vàng 96% mà Nguyễn Thị Thu H đã vay của bà Lê Thị H6 và bà Nguyễn Thị M1, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận không xác định được giá trị, do đó không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với H về hành vi này.

Đối với Nguyễn Ngọc T1 có hành vi đồng phạm vay tiền và vàng cùng với Nguyễn Thị Thu H. Hiện nay, ông T1 đã chết, do đó không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông T1.

Đối với Bùi Tuyết A, Trần Thị L1, Nguyễn Thị Trúc K, Phan Thị P và Cao Thị Y đã cho Nguyễn Thị Thu H vay tiền và vàng, hiện không xác minh được nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố N đang xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại bà Tống Thị H5 14.000.000 đồng và Trương Thị N 12.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị hại, người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt; Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự ra để giải quyết theo thủ tục dân sự khi có đơn yêu cầu.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H 04 (Bốn) năm tù**, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử tách phần trách nhiệm dân sự ra để giải quyết theo thủ tục dân sự khi có đơn yêu cầu.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Kiến nghị Cơ quan Công an thành phố N tiếp tục xác minh nhân thân lai lịch của Bùi Tuyết A, Trần Thị L1, Nguyễn Thị Trúc K, Phan Thị P và Cao Thị Y – Là những người đã cho Nguyễn Thị Thu H vay tiền, vàng; Điều tra làm rõ và xem xét xử lý trách nhiệm đối với H, nếu có đủ căn cứ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thanh Tùng Đặng Trần Khoa Lương Ngọc Yến A1

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Lưu: Ấn văn; Hồ sơ.

Lương Ngọc Yến Anh